DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: 3188 ***/QĐ–VPCNCLQG ngày*** *23* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Trung tâm kiểm nghiệm Hoàng Long**
Laboratory:	***Hoang Long Analysis Center***
Cơ quan chủ quản:	**Công ty TNHH MTV chế biến thuỷ sản Hoàng Long**
Organization:	***Hoang Long Seafood Processing Company Limited***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 594**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Sinh, Hóa**
Field:	***Biological, Chemical***
Người quản lý/ *Laboratory manager*:	**Phan Thị Huỳnh Hoa**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *23 / 10* **/2026 đến ngày 11/05/2030**
Địa chỉ/ *Address*:	**Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, tỉnh Đồng Tháp** ***Tan Cuong Hamlet, Phu Cuong Commune, Dong Thap Province***
Địa điểm/ *Location:*	**Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, tỉnh Đồng Tháp** ***Tan Cuong Hamlet, Phu Cuong Commune, Dong Thap Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**(+84) 277.3827178**
E-mail:	**kiemnghiem@hoanglongseafood.com**

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Cá** ***Fish***	Định lượng tổng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of microorganism* *Colony count technique*		ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
2.		Định lượng *Coliforms* Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of Coliforms* *Colony count technique*		ISO 4832:2006
3.		Định lượng *Escherichia coli* dương tính β-glucuronidase Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44ºC sử dụng 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucurinide *Enumeration of β-*glucuronidase *positive Escherichia coli.* *Colony count technique at 44ºC using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucurinide*		ISO 16649-2:2001
4.		Định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác). Kỹ thuật sử dụng môi trường Baird-Parker *Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)* *Technique using Baird-Parker agar medium*		ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023
5.		Định lượng *Enterobacteriaceae* Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of Enterobacteriaceae* *Colony count technique*		ISO 21528-2:2017
6.		Phát hiện *Salmonella* spp *Detection of Salmonella spp*	$eLOD_{50}$: 1,7 CFU/25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020
7.		Phát hiện *Listeria monocytogenes* *Detection of Listeria monocytogenes*	$eLOD_{50}$: 1,9 CFU/25 g	ISO 11290-1:2017

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
8.	**Mẫu bề mặt trong môi trường công nghệ chế biến thực phẩm** ***Surfaces sample in the food chain environment***	Định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác). Kỹ thuật sử dụng môi trường Baird - Parker *Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species).* *Technique using Baird-Parker agar medium*		ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023
9.		Phát hiện *Coliforms* *Detection of Coliforms*	$eLOD_{50}$: 1,0 CFU/sample	ISO 4831:2006
10.		Phát hiện *Escherichia coli* *Detection of Escherichia coli*	$eLOD_{50}$: 1,0 CFU/sample	ISO 16649-3:2015

Ghi chú/ *Note*:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization.*

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1	**Cá** ***Fish***	Xác định dư lượng 3-amino-2-oxazolidinone (AOZ) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of 3-amino-2-oxazolidinone (AOZ) residue* *Screening test by ELISA technique*	0,2 µg/kg	KT.2/02 (2025) (Randox NF3465)
2		Xác định dư lượng Chloramphenicol (CAP) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of Chloramphenicol (CAP) residue* *Screening test by ELISA technique*	0,1 µg/kg	KT.2/03 (2025) (Randox CN10171)
3		Xác định dư lượng Malachite Green và Leucomalachite Green Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of Malachite Green and Leucomalachite Green residue* *Screening test by ELISA technique*	0,2 µg/kg	KT.2/04 (2025) (Randox MG10108A)
4		Xác định dư lượng Enrofloxacin và Ciprofloxacin Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of Enrofloxacin and Ciprofloxacin residue* *Screening test by ELISA technique*	0,6 µg/kg	KT.2/05 (2025) (Randox EC3473)
5		Xác định dư lượng 3-amino-5-morpholinomethyl-2-oxazolidinone (AMOZ) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of 3-amino-5-morpholinomethyl-2-oxazolidinone (AMOZ) residue* *Screening test by ELISA technique*	0,2 µg/kg	KT.2/09 (2025) (Randox NF3462)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
6	**Cá** ***Fish***	Xác định dư lượng 1-Aminohydantoin (AHD) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of 1-Aminohydantoin (AHD) residue* *Screening test by ELISA technique*	0,2 µg/kg	KT.2/10 (2025) (Randox NF3463)
7		Xác định dư lượng 5-Nitro-2-Furadehyde Semicarbazone (SEM) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA *Determination of 5-Nitro-2-Furadehyde Semicarbazone (SEM) residue* *Screening test by ELISA technique*	0,4 µg/kg	KT.2/11 (2025) (Randox NF3461)
8		Xác định hàm lượng tổng Nitơ bay hơi (TVB-N) Phương pháp Kjeldahl *Determination of total volatile basic nitrogen (TVB-N) content* *Kjeldahl method*	5,24 mg/100g	Decision 95/149/EC, Page: 84-87/97
9		Xác định hàm lượng tổng Photpho Phương pháp quang phổ *Determination of total Phosphorus content* *Spectrometric method*	0,05 g/100g	AOAC 995.11
10		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số và Protein thô *Determination of total Nitrogen content and crude Protein content*	0,1 %	TCVN 3705:1990
11		Xác định độ pH *Determination of pH*	4 ~ 10	KT.2/26 (2025) (*Ref.* TCVN 4835:2002)
12	**Nước mặt, nước thải** ***Surface water, wastewater***	Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp Kjeldahl *Determination of Nitrogen content* *Kjeldahl method*	0,4 mg/L	SMEWW 4500-N_{org}.B:2023
		Xác định hàm lượng NH_3 Phương pháp indo-phenol blue *Determination of NH_3 content* *Indol-phenol blue method*	0,3 mg/L	SMEWW 4500-NH_3 F:2023

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
13	**Nước mặt, nước thải** ***Surface water, wastewater***	Xác định hàm lượng tổng Photpho Phương pháp Kjeldahl và axit ascorbic *Determination of Total phosphorus content* *Kjeldahl and ascorbic acid method*	0,7 mg/L	KT.2/19 (2025) (*Ref.* SMEWW 4500-N_{org} B:2023 & SMEWW 4500-P E:2023)
14	**Thức ăn chăn nuôi** ***Animal feeding stuffs***	Xác định hàm lượng Nitơ và tính hàm lượng Protein thô Phương pháp Kjeldahl *Determination of nitrogen content and calculation crude protein content* *Kjeldahl method*	0,1 %	TCVN 4328-1:2007
15		Xác định hàm lượng chất béo *Determination of fat content*	0,5 %	TCVN 4331:2001
16		Xác định hàm lượng tro thô *Determination of crude ash content*	0,2 %	TCVN 4327:2007

Ghi chú/ *Note*:

- KT: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*;
- SMEWW: Standard Methods for the examination of Water and Wastewater;
- Decision 95/149/EC: *Commission Decision*;
- Randox…: Ký hiệu bộ KIT của nhà sản xuất/ *Manufacture' KIT tests*;
- Ref: *Reference.*

Trường hợp Công ty TNHH MTV chế biến thuỷ sản Hoàng Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV chế biến thuỷ sản Hoàng Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này*/ It is mandatory for Hoang Long Seafood Processing Company Limited that provides product quality testing services must register their actiNgoDucMacSignaturevities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.*